

SỐ: 792/QĐ-ĐHSPTDTTHN

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận thí sinh trúng tuyển Đại học hệ Vừa làm vừa học
tại Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội đợt 1, năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học,

Căn cứ Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non,

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Thông tư 10/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu vào tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non,

Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 01/02/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc Ban hành Quy chế thi năng khiếu thể dục thể thao năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 13/03/2023 Quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Căn cứ công văn số 3623/BGDĐT-GDDH ngày 04/7/2025 về việc thông báo số lượng chỉ tiêu dự kiến các ngành đào tạo giáo viên năm 2025;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh trình độ Đại học năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội ban hành theo Quyết định số 269/QĐ-ĐHSPTDTTHN, ngày 28/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội và Quyết định số 625/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 07/7/2025

về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Đề án tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội,

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo - Khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **100** thí sinh trúng tuyển Đại học hệ Vừa làm vừa học đợt 1, năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội (có danh sách kèm theo) trong đó:

Ngành Giáo dục thể chất: **70** (Phương thức 405: 10 thí sinh; Phương thức 406: 60 thí sinh).

Ngành Huấn luyện thể thao: **30** (Phương thức 405: 01 thí sinh; Phương thức 406: 29 thí sinh).

Điều 2. Các thí sinh trong danh sách tại Điều 1 có trách nhiệm làm thủ tục nhập học theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng tuyển sinh Đại học năm 2025, trường các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- ĐÚ, HĐT (để chỉ đạo),
- Như điều 3;
- Công thông tin điện tử Trường;
- Lưu: VT, P.QLĐT-KH&HTQT.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HĐTS



PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
HỆ ĐẠI HỌC VLVH, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
1	BÙI ĐỨC ANH	0029	Nam	15/02/2005			0.00	28.40	406	T08
2	TRẦN HOÀNG ANH	0192	Nam	20/08/2007	2NT		0.67	26.67	406	T05
3	VÀNG TUẤN ANH	0213	Nam	09/11/2007	1	01	3.67	29.67	406	T08
4	LƯU XUÂN BÁCH	0250	Nam	09/11/2007	2		0.33	27.83	406	T10
5	ĐẶNG HOÀNG BÌNH	0313	Nam	09/02/2004			0.00	28.60	406	T05
6	ĐẶNG VĂN BÌNH	0314	Nam	20/11/2007	1		1.00	27.10	406	T00
7	NGUYỄN TU BÌNH	0330	Nam	07/08/2007	2		0.30	31.30	406	T05
8	LƯU ĐÌNH CÁT	0346	Nam	18/05/2007	3		0.00	28.00	406	T10
9	HOÀNG KIỀU CHÂM	0348	Nữ	28/11/2007	1	01	3.67	30.87	406	T02
10	LÊ ĐĂNG CHIẾN	0377	Nam	04/09/2007	1		1.00	29.42	405	T10
11	ĐÀO ĐỨC CHUNG	0403	Nam	28/11/2004			0.00	33.30	406	T10
12	NGUYỄN KIÊN CƯỜNG	0440	Nam	03/11/2001		01	0.00	32.80	406	T09
13	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	0442	Nam	11/05/2007	1	01	3.67	32.34	405	T10
14	NGUYỄN VĂN TÙNG DƯƠNG	0588	Nam	20/10/2007	3		0.00	27.00	406	T08
15	VŨ ĐẠI DƯƠNG	0602	Nam	31/07/2007	2		0.33	27.73	406	T02
16	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	0736	Nam	14/10/2007	2		0.33	28.53	406	T05
17	QUYỀN THÀNH ĐẠT	0752	Nam	14/09/2007	2		0.34	29.94	406	T09
18	NGUYỄN PHÚ ĐIỀN	0763	Nam	20/05/2006	2		0.28	31.78	406	T09
19	HOÀNG ĐỨC GIANG	0860	Nam	23/07/2007	1	01	2.05	36.47	405	T08
20	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	0867	Nữ	25/10/2007	1		1.00	28.10	406	T09
21	NÔNG VĂN GIÁP	0880	Nam	24/09/2007	1	01	3.33	34.25	405	T05

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC VLVH, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Điểm tương đương	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
22	BÙI THANH HẢI	0909	Nam	08/11/2007	1	01	3.38	34.18	406	T00
23	BÙI THẾ HIỀN	0975	Nam	02/04/2007	1	01	3.67	30.47	406	T10
24	TỪ VĂN HIỆP	0988	Nam	27/11/2006	2NT		0.67	27.77	406	T10
25	NGUYỄN THẠCH HIẾU	1072	Nam	22/12/2006	3		0.00	33.10	406	T05
26	PHẠM THỊ KIM HUỆ	1174	Nữ	20/07/2006	3		0.00	29.20	406	T05
27	ĐẶNG NHẬT HUY	1290	Nam	04/10/2007	2		0.39	28.69	406	T10
28	NGUYỄN QUANG HUY	1345	Nam	29/07/2007	1	01	2.83	35.13	406	T09
29	LƯU THỊ NGỌC HUYỀN	1380	Nữ	13/03/2007	3		0.00	33.30	406	T10
30	LƯU QUANG KHẢI	1393	Nam	05/07/2007	2NT		0.67	28.34	405	T10
31	NGUYỄN TRẦN THẾ KHẢI	1395	Nam	05/12/2007	1		0.53	35.23	406	T09
32	ĐỖ VĂN KHÁNH	1422	Nam	10/01/2007	2NT		0.67	28.67	406	T00
33	LÊ ĐÌNH QUỐC KHÁNH	1424	Nam	02/09/2007	2		0.33	28.53	406	T08
34	TRIỆU QUỐC KHÁNH	1450	Nam	22/10/2007	1		1.00	29.00	406	T00
35	LÊ ĐĂNG KHÔI	1483	Nam	20/10/2007	3		0.00	28.90	406	T09
36	ĐINH TRUNG KIÊN	1502	Nam	04/02/2003			0.00	26.10	406	T09
37	HOÀNG TRUNG KIÊN	1506	Nam	04/11/2007	3		0.00	28.80	406	T08
38	LƯỜNG HÙNG KỶ	1539	Nam	01/08/2006	1	01	3.67	33.67	406	T10
39	DƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	1595	Nữ	21/09/2007	1		1.00	28.72	405	T05
40	LÊ NGỌC LỢI	1663	Nam	17/11/2007	2NT		0.55	32.35	406	T02
41	LÊ ĐỨC MẠNH	1773	Nam	23/11/2007	1		1.00	29.50	406	T02
42	ĐỖ VŨ ANH MINH	1808	Nam	10/08/2007	2		0.07	37.89	405	T05

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC VLVH, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Điểm tương đương	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
43	NGUYỄN ĐỨC MINH	1832	Nam	11/01/2007	2NT		0.66	30.76	406	T00
44	HOÀNG THỊ TRÀ MY	1880	Nữ	09/05/2007	2NT		0.73	29.90	405	T05
45	BÙI THỊ ÁNH NGỌC	1983	Nữ	18/08/2006	3		0.00	31.50	406	T10
46	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	1993	Nam	06/09/2007	2		0.34	29.94	406	T00
47	NGUYỄN KHOA NGUYỄN	2017	Nam	03/12/2003			0.00	32.30	406	T10
48	VÕ TRUNG NGUYỄN	2031	Nam	21/12/2007	2NT	06a	2.00	28.40	406	T10
49	HOA THỊ LINH NHI	2065	Nữ	13/10/2004			0.00	34.40	406	T10
50	HOÀNG HỮU PHÚ	2145	Nam	22/01/2007	3		0.00	31.92	405	T05
51	POÔNG VINH QUANG	2278	Nam	17/07/2007	1		1.00	28.80	406	T00
52	TRẦN VIỆT QUYẾT	2317	Nam	23/08/2006	2		0.33	30.25	405	T05
53	NGUYỄN HOÀNG VÂN SAN	2327	Nữ	01/01/2006	3		0.00	37.30	406	T10
54	ĐẶNG PHÚC THẮNG	2459	Nam	04/09/2005	2		0.18	34.68	406	T09
55	VÀNG MẠNH THẮNG	2480	Nam	28/07/2007	1	01	3.05	34.75	406	T00
56	PHẠM TUẤN THÀNH	2531	Nam	28/12/2007	2NT		0.65	30.95	406	T00
57	NGUYỄN DUY THỊNH	2590	Nam	19/01/2001			0.00	28.50	406	T09
58	VŨ A THU	2610	Nam	02/11/2006	1		1.00	26.10	406	T05
59	BÙI THỊ THUYẾT TRANG	2735	Nữ	30/04/2007	2		0.26	32.36	406	T05
60	BÙI TRẦN THÀNH TRUNG	2794	Nam	16/05/2007	1		1.00	28.90	406	T00
61	TRẦN THÀNH TRUNG	2816	Nam	21/10/2007	2NT		0.67	27.57	406	T00
62	VŨ THÀNH TRUNG	2821	Nam	01/09/2007	1		1.00	27.40	406	T08
63	BÙI TIẾN TRƯỜNG	2824	Nam	20/02/2007	3		0.00	29.10	406	T00

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
HỆ ĐẠI HỌC VLVH, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

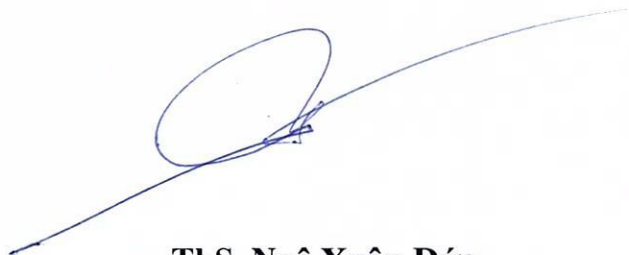
STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
64	NGUYỄN ANH TÚ	2877	Nam	21/12/2006	1		1.00	29.70	406	T08
65	LÊ CÔNG TUẤN	2925	Nam	15/08/2007	2		0.39	28.59	406	T02
66	NGÔ XUÂN TUẤN	2931	Nam	30/03/2007	2NT		0.67	29.27	406	T10
67	BẠCH SƠN TÙNG	2971	Nam	03/08/1997			0.00	29.50	406	T05
68	TRẦN CÔNG VINH	3099	Nam	22/10/2007	2		0.33	29.23	406	T08
69	ĐINH HOÀNG VŨ	3105	Nam	09/03/2007	1	01	3.63	33.73	406	T09
70	SÙNG A QUYẾT	3235	Nam	11/05/2007	1		1.16	29.53	405	T00

Tổng cộng có **70** thí sinh trong danh sách trúng tuyển ngành Giáo dục Thể chất - kỳ tuyển sinh Đại học Vừa làm vừa học, năm 2025, đợt 1. (Sắp xếp theo thứ tự số báo danh tăng dần)

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG



ThS. Ngô Xuân Đức



PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết

*** GHI CHÚ :**

Phương thức xét tuyển : PTXT 405 = Kết quả thi THPT, PTXT 406 = Kết quả học tập lớp 12 THPT. Các tổ hợp xét tuyển : T00 = Toán – Sinh – NK, T02 = Ngữ văn – Sinh – NK, T05 = Ngữ văn – GD CD – NK, T08 = Toán – GD CD – NK, T09 = Toán – Lịch sử – NK, T10 = Ngữ văn – Lịch sử – NK. NK = điểm năng khiếu TDTT tính hệ số 2. GD CD = Giáo dục công dân/Giáo dục kinh tế pháp luật. Tổng điểm xét tuyển (theo thang điểm 40) đã bao gồm điểm ưu tiên đối tượng, khu vực, điểm quy đổi tương đương tính theo Quy chế tuyển sinh đại học năm 2025 của trường.

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC VLVH, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đôi tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
1	CHỦ NGỌC DIỆP	0467	Nam	28/07/2007	3		0.00	31.30	406	T10
2	NGUYỄN LÂM TRÍ DŨNG	0538	Nam	24/02/2007	3		0.00	31.00	406	T10
3	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	0739	Nam	20/02/2007	3		0.00	31.00	406	T10
4	BÙI HUY ĐỨC	0785	Nam	09/02/2007	3		0.00	32.70	406	T10
5	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	0873	Nam	05/03/2006	3		0.00	33.80	406	T00
6	VŨ ĐÔNG HẢI	0939	Nam	31/03/2006	3		0.00	26.60	406	T10
7	HÀ TRUNG HIẾU	1010	Nam	24/12/2003		01	0.00	26.20	406	T08
8	ĐOÀN THÙY LINH	1594	Nữ	09/08/2007	3		0.00	28.50	406	T00
9	TRƯỜNG QUANG LỢI	1664	Nam	20/03/2002			0.00	29.00	406	T00
10	NGUYỄN DUY NAM	1911	Nam	23/10/2007	2NT		0.67	26.34	405	T10
11	NGUYỄN HOÀNG NAM	1921	Nam	08/01/2007	3		0.00	30.40	406	T09
12	HOÀNG MINH TÂM	2415	Nữ	01/09/1991			0.00	32.00	406	T10
13	NGUYỄN CHÍ THANH	2489	Nam	23/03/2007	3		0.00	31.30	406	T10
14	BÙI DUY TÙNG	2972	Nam	30/01/2006	2		0.28	31.88	406	T10
15	NGUYỄN QUỐC VIỆT	3075	Nam	21/08/2002			0.00	25.80	406	T02
16	NGUYỄN TUẤN ANH	3215	Nam	27/01/2007	2		0.12	36.62	406	T10
17	VŨ TUẤN ANH	3216	Nam	10/02/2007	2		0.18	34.58	406	T10
18	LƯƠNG ANH CHIẾN	3217	Nam	17/01/2007	2		0.12	36.42	406	T10
19	VŨ ĐÌNH CHIẾN	3218	Nam	30/06/2007	2		0.13	36.33	406	T02
20	HOÀNG CÔNG HẬU	3220	Nam	28/06/2007	2		0.11	36.81	406	T02
21	TRƯỜNG GIA HUY	3221	Nam	03/09/2007	2		0.12	36.52	406	T02

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
HỆ ĐẠI HỌC VLVH, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
22	NGUYỄN MINH KỲ	3222	Nam	07/07/2007	2		0.12	36.52	406	T10
23	NGUYỄN QUANG LINH	3223	Nam	05/03/2007	2		0.12	36.52	406	T10
24	BÙI NGỌC ĐỨC LƯƠNG	3224	Nam	17/03/2007	2		0.12	36.52	406	T10
25	VŨ ĐỨC MINH	3225	Nam	23/04/2007	2		0.12	36.52	406	T10
26	NGUYỄN HOÀNG NAM	3226	Nam	07/10/2007	2		0.11	36.81	406	T10
27	TRẦN ĐỨC TÀI	3227	Nam	11/03/2007	2		0.25	32.65	406	T10
28	PHẠM XUÂN THẮNG	3228	Nam	29/01/2007	2		0.13	36.23	406	T09
29	PHẠM ANH TÚ	3229	Nam	15/01/2007	2		0.12	36.52	406	T10
30	VŨ NGUYỄN LINH TUỆ	3230	Nam	14/07/2007	2		0.11	36.91	406	T09

Tổng cộng : **30** thí sinh trong danh sách trúng tuyển ngành Huấn luyện Thể thao - kỳ tuyển sinh Đại học Vừa làm vừa học, năm 2025, đợt 1. (Sắp xếp theo thứ tự số báo danh tăng dần).

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG 

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



ThS. Ngô Xuân Đức



PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết

*** GHI CHÚ :**

Phương thức xét tuyển : PTXT 405 = Kết quả thi THPT, PTXT 406 = Kết quả học tập lớp 12 THPT. Các tổ hợp xét tuyển : T00 = Toán – Sinh – NK, T02 = Ngữ văn – Sinh – NK, T05 = Ngữ văn – GD CD – NK, T08 = Toán – GD CD – NK, T09 = Toán – Lịch sử – NK, T10 = Ngữ văn – Lịch sử – NK. NK = điểm năng khiếu TDTT tính hệ số 2. GD CD = Giáo dục công dân/Giáo dục kinh tế pháp luật. Tổng điểm xét tuyển (theo thang điểm 40) đã bao gồm điểm ưu tiên đối tượng, khu vực, điểm quy đổi tương đương tính theo Quy chế tuyển sinh đại học năm 2025 của trường.